TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2018
V/v ly hôn giữa
ông Hưng và bà Tịnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Nguyễn Hải S.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Chấn H (Phạm Văn H), sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm 35, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Tịnh, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm 35, xã Hải M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Tân Tiến, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Anh Phạm Công S, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm 35, xã Hải M, huyện H, tỉnh N.

(Tại phiên tòa các đương sự đều xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/4/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Ông Phạm Chấn Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Chấn H và bà Đỗ Thị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/4/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Hải M, huyện Hải H, tỉnh Ntrên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ ông Hưng. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng sống ly thân đầu năm 2006 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông Hưng làm đơn xin ly hôn với bà Tịnh.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Hưng, bà Tcó hai con chung là Phạm Thị H sinh năm 1992 và Phạm Công S, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông Hưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Ông Hưng tự nguyện để lại quyền sử dụng ruộng tiêu chuẩn của mình cho ba mẹ con bà Đỗ Thị Tcùng hai con chung là chị H, anh S được quyền sử dụng, ông Hưng không yêu cầu bà T, chị H, anh S phải thanh toán chênh lệch chia tài sản.

- Về công nợ chung: Ông Hưng, bà T không vay nợ chung của ai cũng như cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do công việc làm ăn không bố trí được thời gian nên ông Hưng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn xin ly hôn và bản tự khai.

* Tại bản tự khai ngày 18/5/2018, bị đơn bà Đỗ Thị Tcó lời khai phù hợp với lời khai của Ông Phạm Chấn Hvề thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Tlà do vợ chồng không có cùng quan điểm sống, ông Hưng không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Nay ông Hưng làm đơn xin ly hôn, bà Tnhất trí ly hôn đề nghị Toà án giải quyết.

Về con chung: Bà T xác nhận lời trình bày của ông Hưng là đúng. Bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản: Đối với ruộng tiêu chuẩn mà ông Hưng cho bà Tvà các con chung, bà Txin được nhận sử dụng.

- Về công nợ chung: Bà Txác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do công việc làm ăn không bố trí được thời gian nên bà Tđề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và anh Phạm Công S đều trình bày: Đối với ruộng tiêu chuẩn nông nghiệp của ông Hưng cho bà T, anh S, chị H được quyền sử dụng, quan điểm của anh S, chị H là xin được nhận cùng bà T và sử dụng diện tích đất ruộng này. Do công việc làm ăn không bố trí được thời gian nên xin vắng mặt xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn, bị đơn, ngừoi có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Xuyến là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa Ông Phạm Chấn Hvà bà Đỗ Thị Tlà quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải M, huyện Hải H, tỉnh Nđăng ký kết hôn ngày 16/4/1991. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp dẫn đến không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau. Ông Hưng và bà Tđã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ kể từ đầu năm 2006 cho đến nay. Nay ông Hưng, bà Tnhất trí thuận tình ly hôn.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Hưng và bà Tlà trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông Hưng và bà Tlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng Ông Phạm Chấn Hvà bà Đỗ Thị Tcó 02 con chung là Phạm Thị H sinh năm 1992 và Phạm Công S, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông Hưng, bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: hai bên khai nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về ruộng nông nghiệp: Hộ gia đình Ông Phạm Chấn H(Phạm Văn Hưng) được nhà nước cấp ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn với diện tích 870 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q 524437, ngày 14/12/1999 mang tên hộ ông Phạm Văn H. Khi ly hôn, ông H, bà T, chị H, anh S đều thống nhất: Đối với tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp mà ông Hưng được sử dụng, ông Hưng cho bà Tịnh, anh S, chị H cùng sử dụng, không yêu cầu phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản. Bà T, anh S, chị H đều xin nhận cùng sử dụng diện tích đất mà ông Hưng cho. Do đó, toàn bộ ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn được cấp cho hộ gia đình diện tích 870 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số seri Q 524437, ngày 14/12/1999 mang tên hộ ông Phạm Văn H sẽ giao cho bà Đỗ Thị Tvà các con Phạm Thị H, Phạm Công S được quyền sử dụng. Bà Đỗ Thị T, chị Phạm Thị H, anh Phạm Công S không phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Phạm Chấn H.

Về công nợ chung của vợ chồng: Ông Hưng, bà Tđều xác nhận hai người không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Chấn Hphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với án phí chia tài sản, do các bên đương sự thỏa thuận trước khi Tòa án hòa giải nên các bên đương sự không phải chịu án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa Ông Phạm Chấn Hvà bà Đỗ Thị Tịnh.

2. Về ruộng nông nghiệp: Toàn bộ ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn được cấp cho hộ gia đình mang tên hộ ông Phạm Văn Hưng ở xã Hải M, huyện Hải H, tỉnh Ndiện tích 870m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q 524437, ngày 14/12/1999 giao cho bà Đỗ Thị Tvà các con Phạm Thị H, Phạm Công S được quyền sử dụng. Bà Đỗ Thị Tịnh, chị Phạm Thị H, anh Phạm Công S không phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Phạm Chấn Hưng.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo Bản án của Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Chấn Hphải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002477 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; Ông Phạm Chấn Hđã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí chia tài sản là ruộng nông nghiệp: Hai bên đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản không yêu cầu tòa giải quyết nên không phải chịu án phí chia tài sản.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Minh;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng